

Số 268/QĐ-SYT

Thái Bình, ngày 02 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin
của Sở Y tế Thái Bình năm 2018 - 2020**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÁI BÌNH

Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về chức năng, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Y tế;

Quyết định số 5004/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về phê duyệt mô hình kiến trúc tổng thể Hệ thống thông tin quản lý khám chữa bệnh bảo hiểm y tế;

Quyết định 445/QĐ-BYT ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Bộ Y tế về phê duyệt kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;

Kế hoạch số 266/KH-BYT ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

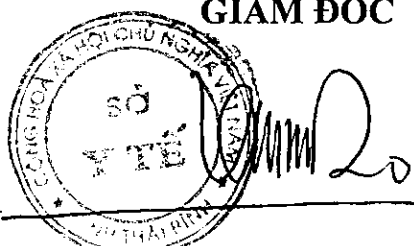
Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Sở Y tế Thái Bình năm 2018-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

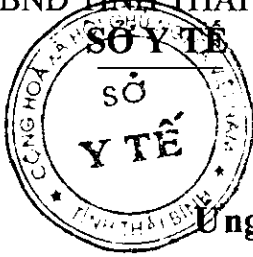
Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các phòng liên quan của Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD và PGD Sở Y tế;
- BCĐ ứng dụng CNTT tỉnh Thái Bình;
- Tổ CNTT trong QLKB,CB và TTBHYT;
- Công nghệ thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

1

Phạm Văn Dịu

**KẾ HOẠCH****Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế
tỉnh Thái Bình giai đoạn 2018 - 2020***(Kèm theo Quyết định số 268/QĐ-SYT ngày 02/3/2018 của Sở Y tế Thái Bình)***I. Sự cần thiết ứng dụng công nghệ thông tin trong y tế**

Công nghệ thông tin (CNTT) đang dần chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội. Đối với hoạt động của ngành y tế, có thể thấy, CNTT ngày càng đóng vai trò quan trọng, không chỉ là “bà đỡ” cho quá trình cải cách hành chính trong công tác quản lý, điều hành của cơ quan quản lý mà còn “dỡ đầu” cho việc triển khai và ứng dụng thành công các kỹ thuật cao trong công tác khám chữa bệnh (KCB) như chụp cắt lớp, phẫu thuật nội soi, hội chẩn trực tuyến... cũng như trong công tác giảng dạy, đào tạo, giám sát dịch bệnh, nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực y tế...

Thực hiện Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 445/QĐ-BYT ngày 05/02/2016 phê duyệt Kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT giai đoạn 2016-2020 nhằm đẩy mạnh áp dụng CNTT trong ngành y tế một cách toàn diện, ở tất cả các lĩnh vực từ: Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý ngành y tế; Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp; Ứng dụng CNTT chuyên ngành và phát triển hạ tầng dữ liệu và nguồn nhân lực. Quyết định số 5004/QĐ-BYT ngày 19/9/2016 của Bộ Y tế phê duyệt mô hình kiến trúc tổng thể Hệ thống thông tin quản lý khám chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT).

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, trong thời gian qua Thái Bình đã chỉ đạo các đơn vị y tế trong toàn ngành, nhất là các cơ sở khám chữa bệnh về triển khai phần mềm quản lý bệnh viện, phần mềm giám định BHYT. Kết quả đến nay 100% (34/34 đơn vị) các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập tuyến tỉnh và tuyến huyện thực hiện KCB BHYT triển khai phần mềm quản lý bệnh viện, phần mềm giám định BHYT; thực hiện việc trích xuất và đẩy dữ liệu lên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế và Cổng giám định của Bảo hiểm xã hội. 100% các trạm y tế xã khám chữa bệnh BHYT thực hiện kết nối, ứng dụng phần mềm giám định BHYT tại trạm. Triển khai hiệu quả phần mềm quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia cho tất cả các điểm tiêm chủng vắc xin toàn tỉnh; phần mềm báo cáo bệnh truyền nhiễm của hệ thống y tế dự phòng.

Đối với công tác quản lý Nhà nước, từ đầu năm 2012 Sở Y tế Thái Bình là đơn vị sớm áp dụng, triển khai thực hiện nhân rộng việc quản lý văn bản đến và văn bản đi trên Mạng văn phòng điện tử liên thông của Ủy ban nhân dân tỉnh; Đến nay 100% các đơn vị trong ngành đều sử dụng mạng văn phòng để thực hiện thông suốt việc chỉ đạo, trao đổi thông tin, báo cáo và gửi dữ liệu.

Tuy nhiên, qua khảo sát thực trạng về ứng dụng công nghệ thông tin của ngành y tế Thái Bình cho thấy còn có nhiều bất cập, thiếu hoặc chưa có cán bộ làm CNTT, hạ tầng mạng kém chất lượng, giải pháp công nghệ thông lạc hậu, không thống nhất, mỗi bệnh viện một hướng đi khác nhau và chưa bắt kịp với sự phát triển chung của xã hội. Dẫn đến, hệ thống y tế chung của toàn tỉnh không chủ động được trong cập nhật dữ liệu, thông tin, báo cáo chưa kịp thời, thiếu chính xác; thiếu đồng bộ trong việc lựa chọn giải pháp thông minh; không có kho dữ liệu chung (Dataware - House); quản lý không toàn diện, gần như còn bỏ trống phần ứng dụng công nghệ thông tin ở tuyến xã và cá nhân người dân.

Yêu cầu đặt ra cho ngành y tế Thái Bình trong giai đoạn 2018 – 2020 là đầu tư, xây dựng đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin của toàn ngành nhằm đạt hiệu quả cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý Nhà nước của Sở Y tế; cải cách trong tổ chức hội họp, thực hiện giao ban trực tuyến giữa Sở Y tế với các đơn vị. Đảm bảo hệ thống thông tin thích hợp, thống nhất từ Sở Y tế đến các đơn vị; ở tất cả các tuyến tỉnh, huyện, xã và người dân nhằm tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và quản lý tài chính, thuốc, vật tư y tế, quản lý nhân lực; thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đưa dịch vụ y tế chất lượng đến với người dân.

II. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Quyết định số 1819/2015/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 997/2009/QĐ-UB ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về chức năng, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Y tế;
- Quyết định số 5004/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về phê duyệt mô hình kiến trúc tổng thể Hệ thống thông tin quản lý khám chữa bệnh bảo hiểm y tế;
- Quyết định số 445/QĐ-BYT ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Bộ Y tế về phê duyệt kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;

- Kế hoạch số 266/KH-BYT ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế năm 2017;

- Quyết định số 831/QĐ-SYT ngày 11 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế về việc ban hành mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu;

- Quyết định số 3725/QĐ-BYT ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Bộ Y tế hướng dẫn triển khai hệ thống thông tin quản lý xét nghiệm tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Bộ Y tế về việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong quản lý giám định và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

- Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng, cung ứng dịch vụ;

- Thông báo số 162/TB-SYT ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Sở Y tế Thái Bình về việc thông báo Kết luận của Giám đốc Sở Y tế tại Hội nghị giao ban công tác y tế tháng 9 năm 2017.

2. Căn cứ thực tiễn

2.1. Thực trạng hệ thống tổ chức bộ máy hiện nay

2.1.1. Sở Y tế là cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình với 07 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Tổ chức - Cán bộ; Phòng Nghiệp vụ Y; Phòng Nghiệp vụ Dược; Phòng Quản lý hành nghề y dược; Thanh tra và Văn phòng Sở.

2.1.2. Các cơ quan trực thuộc

a. Tuyến tỉnh:

- 02 chi cục thực hiện các chức năng quản lý Nhà nước (Chi cục Dân số - KHHGD và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm);

- 09 các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh;

- 09 Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh thực hiện chức năng y học dự phòng;

b. Tuyến huyện:

- 12 Bệnh viện khoa huyện, thành phố;

- 08 Trung tâm y tế, 08 Trung tâm Dân số - KHHGD và 08 phòng Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

2.2. Thực trạng về ứng dụng công nghệ thông tin

2.2.1. Đối với Sở Y tế

- Có cán bộ tin học có trình độ đại học phụ trách công nghệ thông tin của Văn phòng Sở Y tế; 100% cán bộ công chức, viên chức của Sở Y tế đều có trình độ tin học trình độ B sử dụng thành thạo máy tính, tin học văn phòng; 12 cán bộ đã đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

- Hạ tầng mạng Lan, trang bị đủ máy tính để bàn, máy tính cá nhân được kết nối Internet đảm bảo phục vụ cho công tác chuyên môn;

- Từ năm 2012, sử dụng giải pháp phần mềm quản lý, điều hành xử lý Văn bản, văn thư lưu trữ qua hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông của tỉnh Thái Bình, đảm bảo 100% các văn bản đến được quản lý, phân cấp xử lý nhanh, thuận tiện, chính xác và kịp thời.

2.2.2. Đối với các cơ sở y tế

a. Thực trạng về nguồn nhân lực

Tổng số nhân lực làm công nghệ thông tin các đơn vị là 53 cán bộ, trong đó 70% cán bộ đạt trình độ kỹ sư, cử nhân công nghệ thông tin; 30% đạt trình độ cao đẳng hoặc trung cấp về công nghệ thông tin.

| Số TT | Tên đơn vị | Nhân lực | | | |
|-------|---------------------------------|----------------|----------|---------|---------------------|
| | | Phòng, Tổ CNTT | Số người | Cử nhân | Cao đẳng, trung cấp |
| 1 | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Phòng CNTT | 8 | 5 | 3 |
| 2 | Bệnh viện Nhi | Phòng CNTT | 3 | 3 | |
| 3 | Bệnh viện Phụ sản tỉnh | Tổ CNTT | 2 | 2 | |
| 4 | Bệnh viện Điều dưỡng PHCN | Tổ CNTT | 1 | 1 | |
| 5 | Bệnh viện phổi | Tổ CNTT | 2 | 2 | |
| 6 | Bệnh viện Mắt | Tổ CNTT | 1 | 1 | |
| 7 | Bệnh viện Tâm thần | Tổ CNTT | 2 | 2 | |
| 8 | Bệnh viện Y học cổ truyền | Tổ CNTT | 2 | 1 | 1 |
| 9 | Bệnh viện phong da liễu Văn Môn | Tổ CNTT | 1 | 1 | |
| 10 | Bệnh viện đa khoa Đông Hưng | Tổ CNTT | 2 | 1 | 1 |
| 11 | Bệnh viện đa khoa Kiến Xương | Tổ CNTT | 3 | 2 | 1 |
| 12 | Bệnh viện đa khoa Thái Thụy | Tổ CNTT | 3 | 2 | 1 |
| 13 | Bệnh viện đa khoa Thái Ninh | Tổ CNTT | 2 | 1 | 1 |

| Số TT | Tên đơn vị | Nhân lực | | | |
|-------|--------------------------------|----------------|-----------|-----------|---------------------|
| | | Phòng, Tổ CNTT | Số người | Cử nhân | Cao đẳng, trung cấp |
| | | CNTT | | | |
| 14 | Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải | Tổ CNTT | 2 | 1 | 1 |
| 15 | Bệnh viện đa khoa Tiền Hải | Tổ CNTT | 2 | 2 | |
| 16 | Bệnh viện đa khoa Hưng Hà | Tổ CNTT | 2 | 1 | 1 |
| 17 | Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân | Tổ CNTT | 2 | 2 | |
| 18 | Bệnh viện đa khoa Vũ Thư | Tổ CNTT | 2 | 1 | 1 |
| 19 | Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ | Phòng CNTT | 3 | 1 | 2 |
| 20 | Bệnh Viện Đa Khoa Phụ Dực | Tổ CNTT | 4 | 1 | 3 |
| 21 | Bệnh viện đa khoa thành phố | Tổ CNTT | 2 | 2 | |
| 22 | Trung tâm Da liễu | Tổ CNTT | 1 | 1 | |
| 23 | Trung tâm y tế Dự phòng tỉnh | Tổ CNTT | 1 | 1 | |
| | Tổng số | | 53 | 37 | 16 |

- Nhân lực công nghệ thông tin tại các Trung tâm y tế huyện, thành phố và các trạm y tế xã: Không có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, đều là nhân lực kiêm nhiệm.

b. Thực trạng về cơ sở hạ tầng

| Số TT | Tên đơn vị | Hạ tầng CNTT | | | |
|-------|------------------------------|--------------------------------------|----------------|---------|----------|
| | | Kết nối INTERNET, tốc độ Down/upload | Mạng lan | Máy chủ | Máy trạm |
| 1 | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Đã kết nối internet 80MB | Có (chia VLAN) | 4 | 350 |
| 2 | Bệnh viện Nhi | Đã kết nối Internet | Có | 2 | 170 |
| 3 | Bệnh viện Phụ sản | Đã kết nối Internet | Có | 2 | 60 |
| 4 | Bệnh viện Phục hồi chức năng | Đã kết nối Internet 50 MB | Có | 2 | 30 |
| 5 | Bệnh viện Phổi | Đã kết nối Internet | Có | 1 | 33 |
| 6 | Bệnh viện Mắt | Đã kết nối Internet | có | 2 | 25 |
| 7 | Bệnh viện Tâm thần | Đã kết nối Internet | Có | 2 | 30 |

| Số TT | Tên đơn vị | Hạ tầng CNTT | | | |
|-------|---------------------------------|--------------------------------------|----------|---------|----------|
| | | Kết nối INTERNET, tốc độ Down/upload | Mạng lan | Máy chủ | Máy trạm |
| 8 | Bệnh viện Y học cổ truyền | Đã kết nối | Có | 2 | 40 |
| 9 | Bệnh viện phong da liễu Văn Mân | Đã kết nối Internet VNPT 40MB | Có | 1 | 33 |
| 10 | BVĐK Đông Hưng | Đã kết nối Internet | Có | 3 | 100 |
| 11 | BVĐK Kiến Xương | Đã kết nối Internet VNPT 50MB | Có | 2 | 50 |
| 12 | BVĐK Thái Thụy | Đã kết nối Internet | Có | 2 | 85 |
| 13 | BVĐK Thái Ninh | Đã kết nối Internet | Có | 1 | 70 |
| 14 | BVĐK Nam Tiền Hải | Đã kết nối internet | Có | 2 | 70 |
| 15 | BVĐK Tiền Hải | Đã kết nối internet | Có | 2 | 80 |
| 16 | BVĐK Hưng Hà | Đã kết nối Internet VNPT 50MB | Có | 1 | 50 |
| 17 | BVĐK Hưng Nhân | Đã kết nối Internet VNPT 50MB | Có | 1 | 40 |
| 18 | BVĐK Vũ Thư | Đã kết nối Internet | Có | 2 | 60 |
| 19 | BVĐK Quỳnh Phụ | Đã kết nối Internet VNPT 50MB | Có | 2 | 70 |
| 20 | BVĐK Phụ Dực | Đã kết nối | Có | 2 | 50 |
| 21 | BVĐK thành phố | Đã kết nối internet | có | 2 | 50 |
| 22 | Trung tâm Da liễu tỉnh | Đã kết nối | Có | 1 | 24 |
| 23 | Trung tâm y tế Dự phòng tỉnh | Đã kết nối Internet | Có | 2 | 25 |

- Về cơ sở hạ tầng tại tuyến xã: 268/286 trạm y tế xã đã được VIETTEL trang bị máy tính và đường truyền internet để kết nối công giám định BHYT. Còn lại một số trạm y tế xã đã được trang bị máy tính từ các nguồn kinh phí của huyện, dự án VAHIP,...

c. Thực trạng về các giải pháp công nghệ thông tin

| Số TT | Tên đơn vị | P. mềm QLBV | Tên phần mềm | Phiên bản | Nhà cung cấp phần mềm | Các phân hệ đã triển khai |
|-------|------------------------|-------------|---------------------------------|-----------|------------------------|--|
| 1 | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Có | Giải pháp y tế thông minh - HIS | 2.0 | Tập đoàn VIETSENS | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS, CĐT, Nghiên cứu KH, QL tài sản, QL nhân sự, |
| 2 | Bệnh viện Nhi | Có | Giải pháp y tế thông minh - HIS | 3.0 | Tập đoàn VIETSENS | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS, CĐT, Nghiên cứu KH, QL tài sản, QL nhân sự, |
| 3 | Bệnh viện Phụ sản | Có | ONEMES | 1.0 | công ty cổ phần onenet | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS |

| Số TT | Tên đơn vị | P. mềm QL BV | Tên phần mềm | Phiên bản | Nhà cung cấp phần mềm | Các phân hệ đã triển khai |
|-------|----------------------------------|--------------|---------------------------------|------------|------------------------|--|
| 4 | Bệnh viện Điều dưỡng PHCN | Có | Viettel- HIS | 1.2 | Viettel | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS, QL tài sản MISA |
| 5 | Bệnh viện Phổi | Có | Viettel- HIS | 3.0 | Tập đoàn VIETSENS | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS, QL tài sản, QL nhân sự, |
| 6 | Bệnh viện Mắt | Có | Giải pháp y tế thông minh - HIS | 3.0 | Tập đoàn VIETSENS | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS |
| 7 | Bệnh viện Tâm thần | Có | Giải pháp y tế thông minh - HIS | 3.0 | Tập đoàn VIETSENS | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS, CĐT, Nghiên cứu KH, QL tài sản, QL nhân sự, |
| 8 | Bệnh viện YHCT | Có | Hospital net | 18.1 | Trung tâm KN Bắc Ninh | Nội trú, ngoại trú, Dược, TCKT |
| 9 | Bệnh viện Phong da liễu Văn Môn | Có | Cty Nanoshop Hà Nội | 3.0 | CT Nanoshop Hà Nội, | Ngoại trú, Dược |
| 10 | BVĐK huyện Đông Hưng | Có | ONEMES | 531 | Công ty OneNet | Nội ngoại trú, TC, Dược, CLS, CĐT, NCKH, tài sản, nhân sự, |
| 11 | BVĐK huyện Kiến Xương | Có | VNPT HIS | 2.0 | VNPT | Nội trú, ngoại trú, Dược, TCKT |
| 12 | BVĐK huyện Thái Thụy | Có | ONEMES | 531 | công ty cổ phần onenet | CLS, Dược, Viện phí, Ngoại trú, Nội trú, QL nhân sự, XN |
| 13 | BVĐK Thái Ninh | Có | ONEMES | 531 | công ty cổ phần onenet | Viện phí, Dược, nội trú, ngoại trú, QL tài sản misa, |
| 14 | BVĐK Nam Tiền Hải | Có | Giải pháp y tế thông minh - HIS | 3.0 | Tập đoàn VIETSENS | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS, CĐT, Nghiên cứu KH, QL tài sản, QL nhân sự, |
| 15 | BVĐK huyện Tiền Hải | Có | Viettel- HIS | 3.0 | Tập đoàn VIETSENS | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS, CĐT, Nghiên cứu KH, QL tài sản, QL nhân sự, |
| 16 | BVĐK huyện Hưng Hà | Có | VNPT HIS | 2.0 | VNPT | Nội trú, ngoại trú, Dược, TCKT |
| 17 | BVĐK Hưng Nhân | Có | VNPT HIS | 2.0 | VNPT | Nội trú, ngoại trú, Dược, TCKT |
| 18 | BVĐK huyện Vũ Thư | Có | Giải pháp y tế thông minh - HIS | 3.0 | Tập đoàn VIETSENS | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS, CĐT, Nghiên cứu KH, QL tài sản, QL nhân sự, |
| 19 | BVĐK huyện Quỳnh Phụ | Có | VNPT HIS | 14.1.2 015 | VNPT | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS |
| 20 | BVĐK Phụ Dực | Có | VNPT HIIS | 1.1.8 | VNPT | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS |
| 21 | BVĐK thành phố | Có | Giải pháp y tế thông minh - HIS | 3.0 | Tập đoàn VIETSENS | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS, CĐT, Nghiên cứu KH, QL tài sản, QL nhân sự, |
| 22 | Trung tâm Da liễu tỉnh | Có | VNPT HIS | | VNPT | Dược, TCKT, CLS, Ngoại trú, Nội trú |
| 23 | Trung tâm y tế Dự phòng tỉnh | Có | Viettel- HIS | 3.0 | Tập đoàn VIETSENS | Ngoại trú, nội trú, TCKT, Dược, CLS, CĐT, Nghiên cứu KH, QL tài sản, QL nhân sự, |
| 24 | Các Trung tâm Y tế, Trạm y tế xã | | | | Bộ Y tế, BHXH | Chưa có phần mềm quản lý KCB tại đơn vị |

- Các Trung tâm Y tế, trạm y tế xã: Thực hiện báo cáo trên Phần mềm quản lý thông tin tiêm chủng quốc, Phần mềm báo cáo bệnh truyền nhiễm, 272 TYT triển khai nhập trực tiếp trên cổng giám định BHYT.

d. Kết quả đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin

* Về trích xuất dữ liệu trên cổng BHYT:

Đến nay có 306 đơn vị khám chữa bệnh BHYT thực hiện liên thông dữ liệu, trong đó có 21 bệnh viện công lập, 272 trạm y tế xã và 13 bệnh viện, phòng khám đa khoa ngoài công lập và khác trên địa bàn tỉnh đạt 100%; 34/34 bệnh viện và phòng khám ứng dụng phần mềm quản lý bệnh viện, 272 trạm y tế xã nhập trực tiếp trên cổng giám định BHYT, tuy nhiên việc nhập trực tiếp trên cổng giám định cũng có những hạn chế và một số trạm y tế xã không cập nhật phát sinh hàng ngày, chỉ cập nhật khi có bệnh nhân đến khám ảnh hưởng đến chất lượng chung của ngành về quản lý KCB BHYT.

* Về một số phần mềm đang sử dụng tại các đơn vị:

Hiện tại Thái Bình có 23 đơn vị công lập đang ứng dụng phần mềm quản lý bệnh viện với các nhóm, nhiều bệnh viện đã thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành rất sớm. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, nhiều phần mềm đã không được nâng cấp và trở nên lạc hậu, không còn phù hợp. Nhiều đơn vị đầu tư ban đầu thấp, số lượng phân hệ sử dụng ít chỉ tập trung vào quản lý ngoại trú, nội trú, dược; bước đầu mới chỉ quản lý được số lượng bệnh nhân, không quản lý triệt để tài chính, chưa phát huy được hết hiệu quả của phần mềm quản lý bệnh viện, chưa cải cách thủ tục hành chính, chưa ra y lệnh trên máy tính và chậm áp dụng Bệnh án điện tử.

Năm 2017, Sở Y tế đã chỉ đạo thí điểm phần mềm Bệnh viện Thông minh tại 06 bệnh viện, 03 bệnh viện đã triển khai hiệu quả, 06 bệnh viện đã triển khai mới và bổ sung. Kết quả hiện đang có 03 nhóm phần mềm triển khai tại tỉnh:

- Nhóm bệnh viện sử dụng phần mềm Bệnh viện Thông minh: 09 đơn vị: BVĐK tỉnh, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Mắt, Tâm thần, Phổi, Y tế dự phòng; Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ thư, Thành phố, Tiền Hải, Nam Tiền Hải
- Nhóm bệnh viện sử dụng phần mềm Onemess: 04 đơn vị trong đó có 03 đơn vị nằm trong dự án KfW gồm Bệnh viện Phụ sản, BVĐK Đông Hưng, BVĐK Thái Thụy và BVĐK Thái Ninh.
- Nhóm sử dụng phần mềm VNPT gồm có 05 Bệnh viện đa khoa Hưng Hà, Hưng Nhân, Quỳnh Phụ, Phụ Dực, Kiến Xương

Ngoài 03 đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ thông tin nêu trên, vẫn còn có một số đơn vị sử dụng giải pháp công nghệ khác như Bệnh viện Phong Da liễu Văn Môn, các đơn vị y tế tư nhân, Ban Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.... Như vậy, rất khó khăn trong thực hiện những chỉ đạo của Bộ Y tế, không thể thực hiện kết nối đồng bộ dữ liệu của ngành.

Năm 2017, Sở Y tế Thái Bình đã bám sát kế hoạch, chỉ đạo của Bộ Y tế; phối hợp với đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ khảo sát, đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin toàn ngành; tổ chức thăm quan học tập kinh nghiệm các tỉnh bạn; triển khai thí điểm phần mềm giải pháp bệnh viện thông minh – HIS, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí đầu tư cây đăng ký khám bệnh và cấp cho 20 đơn vị; tranh thủ sự hỗ trợ của các Cục Công nghệ

thông tin – Bộ Y tế; Các tập đoàn, đơn vị cung cấp giải pháp phần mềm trong tư vấn, hỗ trợ 2 triệu thẻ khám bệnh thông minh để cấp cho nhân dân...

Trước những thực trạng nêu trên, để thực hiện hiệu quả sự chỉ đạo của Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính, giám định KCB BHYT, quản lý ngành và quản lý trực tiếp tại các đơn vị; Sở Y tế Thái Bình xây dựng “**Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Sở Y tế Thái Bình năm 2018-2020**”.

III. MỤC TIÊU

2.1. Mục tiêu chung

Ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn ngành y tế nhằm đồng bộ hoá cơ sở dữ liệu, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành hệ thống tại cơ quan Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu tăng cường, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, cải cách thủ tục hành chính để người dân dễ dàng sử dụng và tiếp cận các dịch vụ y tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đồng bộ hệ thống dữ liệu toàn ngành để thống nhất quản lý toàn diện các lĩnh vực: Nhân lực, khám chữa bệnh, dự phòng, cung ứng thuốc, quản lý hành nghề và tài chính;

- Thực hiện giao ban trực tuyến giữa Sở Y tế với các đơn vị; trước mắt năm 2018, triển khai ở một số bệnh viện tuyến tỉnh (BVĐK tỉnh, Phụ sản, Nhi) và 08 bệnh viện đa khoa hạng II thuộc tuyến huyện, thành phố. Tiếp tục khai thác và sử dụng hiệu quả Cổng thông tin điện tử liên thông;

- Năm 2018, 100% các bệnh viện sử dụng phần mềm quản lý bệnh viện, hướng tới thực hiện thống nhất 01 phần mềm, thực hiện đầy đủ các phân hệ (Quản lý bệnh nhân nội trú, ngoại trú, dược, cận lâm sàng, tài chính, quản lý nhân sự, trang thiết bị, chỉ đạo tuyến và nghiên cứu khoa học...); hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh y khoa (PACS) tạo dựng kho dữ liệu dùng chung Dataware - House cho toàn ngành; triển khai bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Nhi và nhân rộng trong những năm tiếp theo.

- 100% các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh BHYT thực hiện hiệu quả phần mềm giám định bảo hiểm y tế; thực hiện việc đẩy dữ liệu lên Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội và Cổng thông tin của Bộ Y tế. Thường xuyên cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu, điều chỉnh phù hợp với chỉ đạo của Bộ Y tế và BHXH Việt Nam;

- Triển khai ứng dụng thẻ khám chữa bệnh thông minh tại tất cả các bệnh viện, tiến tới thanh toán dịch vụ y tế qua thẻ; Năm 2018 có 20%, năm 2019 có 30% và năm 2020 có 50% người dân Thái Bình sử dụng thẻ khám bệnh thông minh trong quá trình khám bệnh; 50% người dân có thẻ khám bệnh thông minh

sử dụng dịch vụ đăng ký khám bệnh qua tổng đài tại các cơ sở khám bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Năm 2018, 100% các bệnh viện trên địa bàn thành phố sử dụng hóa đơn điện tử trong thanh quyết toán kinh phí KCB BHYT với cơ quan BHXH và cung cấp cho người bệnh; Năm 2020, tất cả các bệnh viện còn lại sử dụng hóa đơn điện tử trong thanh quyết toán;

- 100% các trạm y tế xã triển khai phần mềm khám chữa bệnh tại trạm trên cơ sở nối dài phần mềm của các bệnh viện tuyến huyện;

- Năm 2018, triển khai Hồ sơ sức khỏe cá nhân trên địa bàn tỉnh, trước mắt triển khai tại huyện Hưng Hà.

- Thực hiện ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH

3.1. Giải pháp công nghệ

3.1.1. Đối với các bệnh viện

- Ứng dụng phần mềm quản lý bệnh viện, khám, chữa bệnh và thanh toán, giám định BHYT đáp ứng:

+ Chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra trong quản lý, giám định và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT theo quy định tại Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017;

+ Liên thông dữ liệu giữa các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh thông qua Hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân/thẻ khám chữa bệnh thông minh Smartcard, Cổng thông tin của Bộ Y tế và Cổng giám định KCB BHYT.

+ Chiết xuất dữ liệu cần thiết và đẩy dữ liệu lên hệ thống dùng chung phục vụ công tác quản lý, kiểm soát, báo cáo và xây dựng kho dữ liệu Dataware - House của Sở Y tế.

+ Đối với các Bệnh viện đa khoa huyện, thành phố mở rộng kết nối phần mềm khám chữa bệnh tại các trạm y tế xã.

- Thực hiện tiếp đón điện tử, đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến/Online và thanh toán điện tử thông qua thẻ khám chữa bệnh thông minh Smart-card. Đối với Bệnh viện Phụ sản, các bệnh viện đa khoa huyện thành phố thực hiện việc lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân/thẻ Smartcard cho các trẻ sơ sinh trước khi ra viện.

- Ứng dụng lưu trữ - truyền tải hình ảnh (PACS) và kết nối với phần mềm LIS để tự động nhận dữ liệu của các máy xét nghiệm (1 chiều) hoặc gửi chỉ định xét nghiệm xuống máy xét nghiệm (02 chiều) để quản lý tập trung và lưu trữ tất cả kết quả xét nghiệm, tự động hoá hoàn toàn khoa xét nghiệm.

- Xây dựng Công thông tin điện tử của các bệnh viện, quảng bá giới thiệu hình ảnh, thương hiệu, các dịch vụ kỹ thuật và công khai giá dịch vụ, giá thuốc, giá vật tư y tế...

- Tiến tới ứng dụng bệnh án điện tử trong khám, điều trị người bệnh; ứng dụng truyền hình trực tuyến Telemedicine trong hội chẩn, tư vấn, hỗ trợ chuyên môn và đào tạo, chuyển giao kỹ thuật giữa các tuyến.

3.1.2. Đối với các Trung tâm Y tế tuyến tỉnh và tuyến huyện, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và Chi cục Dân số - KHHGD.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các phần mềm ứng dụng quản lý theo từng chuyên ngành, lĩnh vực theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số, các Cục, vụ, Viện đầu ngành ở Trung ương; theo từng dự án, mô hình thí điểm của Trung ương;

- Nghiên cứu ứng dụng, tham mưu cho Sở Y tế trong ứng dụng công nghệ thông tin theo từng lĩnh vực để đồng bộ và Trung tâm dữ liệu của toàn ngành;

- Các cơ sở có chức năng khám, chữa bệnh tùy theo từng quy mô, nhiệm vụ được giao ứng dụng phần mềm vào việc quản lý khám bệnh, chữa bệnh, thuốc, vật tư, hóa chất; sử dụng thẻ khám bệnh góp phần cải cách thủ tục hành chính trong khám, chữa bệnh;

- Liên thông dữ liệu giữa các tuyến và đồng bộ dữ liệu toàn ngành;

- Liên thông dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh giữa các cơ sở khám chữa bệnh khác thông qua Hồ sơ cá nhân/Thẻ khám chữa bệnh thông minh Smart-card;

3.1.3. Đối với trạm y tế xã

- Ứng dụng phần mềm quản lý khám, chữa bệnh, thanh toán và giám định BHYT đáp ứng chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra trong quản lý, giám định và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT theo quy định tại Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017. Coi trạm y tế xã như một phòng khám/khoa thu nhỏ của bệnh viện huyện, thành phố trực tiếp phụ trách KCB tại trạm y tế xã;

- Liên thông dữ liệu giữa các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn huyện, thành phố thông qua Hồ sơ cá nhân/thẻ khám chữa bệnh thông minh Smartcard;

- Thực hiện phần mềm quản lý tiêm chủng; Cập nhật thông tin Hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình.

3.1.4. Đối với văn phòng Sở Y tế

- Xây dựng kho dữ liệu chung của ngành trên cơ sở đồng bộ số liệu cần thiết giữa các cơ sở khám chữa bệnh, các đơn vị y tế trong ngành.

- Thường xuyên cập nhật thông tin hoạt động của Sở Y tế và của các đơn vị y tế trong ngành; thông báo và hướng dẫn quy trình các dịch vụ công; thông báo các thông tin liên quan đến giá thuốc, vật tư, dịch vụ y tế, thông tin tuyển dụng, đào tạo và thu hút đầu tư của ngành trên Công thông tin điện tử của Sở Y tế. Liên kết với các cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế, các Cục, vụ, viện đầu ngành Trung ương và các đơn vị y tế trong ngành...

- Đầu tư các phòng họp giao ban trực tuyến giữa Sở Y tế với các đơn vị; trước mắt năm 2018, triển khai ở một số bệnh viện tuyến tỉnh (BVĐK tỉnh, Phụ sản, Nhi) và 08 bệnh viện đa khoa hạng II thuộc tuyến huyện, thành phố.

- Tiếp tục khai thác và sử dụng hiệu quả Cổng thông tin điện tử liên thông.

- Thường xuyên cập nhật, triển khai ứng dụng các phần mềm liên quan đến lĩnh vực y tế mới, hiệu quả và tính năng cao cho các đơn vị y tế.

3.2. Giải pháp về hạ tầng kỹ thuật – trang thiết bị

- Các cơ sở khám chữa bệnh chủ động phối hợp với đơn vị tư vấn, đơn vị cung cấp dịch vụ giải pháp công nghệ rà soát thực trạng về hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin hiện có của đơn vị mình. Nâng cấp máy chủ, máy trạm, hệ thống mạng Lan, đường truyền Internet... đáp ứng đủ tiêu chuẩn để vận hành hiệu quả giải pháp công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh.

- Đầu tư hệ thống cây đăng ký khám tự động (KIOS), đầu đọc thẻ Smartcard. Sở Y tế quản lý và thống nhất mẫu thẻ chung trên địa bàn tỉnh, cấp 02 triệu thẻ cho các bệnh viện để cấp phát miễn phí cho người dân.

- Đầu tư máy chủ, máy trạm, nâng cấp hệ thống mạng Lan, đường truyền Internet của Sở Y tế đủ tiêu chuẩn để đồng bộ, lưu trữ dữ liệu của toàn ngành đảm bảo công tác chỉ đạo, quản lý thông suốt từ lãnh đạo Sở, các phòng ban và đơn vị y tế trong ngành.

- Đầu tư hệ thống cầu truyền hình trực tuyến cho các điểm cầu thực hiện giao ban trực tuyến từ Quý II năm 2018.

- Các đơn vị còn lại rà soát, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật – trang thiết bị đủ để đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin, hướng tới việc hiện đại hóa và đồng bộ dữ liệu thông tin trong toàn ngành.

3.3. Giải pháp nhân lực

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin ngành Y tế đến năm 2020; kiện toàn tổ Công nghệ thông tin ngành y tế trên cơ sở mỗi đơn vị có 01 thành viên tham gia.

- Các bệnh viện hạng II trở lên thành lập Phòng Công nghệ thông tin. Tuyển dụng thêm cán bộ công nghệ thông tin, tập huấn đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ đủ khả năng xử lý các sự cố công nghệ đảm bảo thông suốt, hiệu quả của các giải pháp công nghệ.

- Các đơn vị còn lại phải có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin có trình độ từ cao đẳng trở lên.

- Phối hợp tổ chức các khoá đào tạo cho cán bộ quản lý, cán bộ phụ trách CNTT đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

3.4. Giải pháp tài chính

3.4.1. Đối với các cơ sở khám chữa bệnh sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện, đào tạo bồi dưỡng cán bộ công nghệ thông tin, tập huấn sử dụng phần mềm, tham quan học tập học hỏi kinh nghiệm và các chi phí khác về ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí từ nguồn thu dịch vụ y tế đã được kết cấu trong giá dịch vụ y tế;

3.4.2. Đối với các cơ sở y tế còn lại xây dựng kế hoạch ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin và đưa vào dự toán chi thường xuyên của đơn vị trình Sở Y tế phê duyệt để làm căn cứ thực hiện.

3.4.2. Đối với việc đồng bộ dữ liệu phục vụ công tác quản lý và điều hành của Sở Y tế, cung cấp các cây đăng ký khám chữa bệnh, triển khai thí điểm hồ sơ sức khỏe cá nhân và tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn giới thiệu các giải pháp công nghệ thông tin... Sở Y tế phối hợp với các Sở ngành liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn Ngân sách tỉnh.

- Thực hiện giao ban trực tuyến giữa Sở Y tế và các cơ sở KCB:

+ Các bệnh viện: Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện phụ sản và một số đơn vị khác đầu tư từ nguồn quỹ phát triển sự nghiệp của đơn vị.

+ Cơ sở hạ tầng phòng họp trực tuyến của Sở Y tế, bệnh viện đa khoa huyện, thành phố và một số bệnh viện tuyến tỉnh khó khăn đầu tư từ nguồn Ngân sách tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo và tổ công nghệ thông tin của ngành y tế

- Thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin của ngành Y tế, trực tiếp giám đốc các đơn vị y tế là thành viên Ban chỉ đạo.

- Kiện toàn tổ ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin của ngành Y tế giai đoạn 2018 – 2020 trưởng phòng CNTT, Tổ trưởng tổ CNTT tham gia thành viên tổ ứng dụng giải pháp CNTT có trách nhiệm:

+ Tham mưu cho Ban chỉ đạo của ngành xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế tỉnh Thái Bình giai đoạn 2018 – 2020; chủ động lựa chọn và đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo khả năng tích hợp, liên thông và chia sẻ thông tin phục vụ công tác quản lý ngành, quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT.

+ Tổ chức triển khai, hướng dẫn các đơn vị thực hiện những chỉ đạo của Bộ Y tế, các Cục, vụ, viện đầu ngành trung ương, các dự án chương trình mục tiêu quốc gia về việc ứng dụng công nghệ thông tin theo đúng lộ trình, kế hoạch của Bộ Y tế ban hành.

+ Đầu mối tập trung cập nhật ảnh xạ

+ Tham mưu cho Giám đốc các đơn vị triển khai việc ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin của đơn vị theo chỉ đạo Sở Y tế.

+ Phối hợp với Sở thông tin và truyền thông trong việc triển khai kế hoạch, Hỗ trợ cơ chế, văn bản pháp lý trong triển khai một số giải pháp công nghệ thông tin: Bệnh án điện tử, chữ ký số góp phần thực hiện đề án thành phố thông minh;

+ Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư trong việc cấp kinh phí để duy trì và tiếp tục đầu tư việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế;

2. Các phòng chức năng, chuyên môn của Sở Y tế

- Giao phòng Kế hoạch – tài chính làm đầu mối tham mưu, chỉ đạo việc triển khai thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn ngành; phối hợp với Văn phòng Sở, các phòng chức năng, chuyên môn của Sở Y tế tham mưu việc ứng dụng, chỉ đạo các đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin trong từng lĩnh vực cụ thể:

+ Phòng Tổ chức – cán bộ tham mưu chỉ đạo các đơn vị trong toàn ngành ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nguồn nhân lực. Chỉ đạo các đơn vị y tế thành lập phòng CNTT, Tổ công nghệ thông tin, hợp đồng tuyển dụng cán bộ công nghệ thông tin.

+ Phòng nghiệp vụ Y, nghiệp vụ Dược, quản lý hành nghề y dược tư nhân tham mưu chỉ đạo các đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh, phần mềm quản lý tiêm chủng mở rộng, quản lý dược, quản lý hành nghề y tế tư nhân.

3. Các đơn vị y tế trong ngành

- Các bệnh viện đa khoa huyện thành phố thành lập phòng, tổ công nghệ thông tin; hợp đồng tuyển dụng cán bộ có trình độ công nghệ thông tin, trưởng phòng, tổ trưởng CNTT phải có trình độ từ cao đẳng trở lên, không kiêm nhiệm;

- Trung tâm Y tế huyện, thành phố tiếp tục thực hiện hiệu quả các phần mềm, giải pháp công nghệ thông tin trong giám sát, theo dõi bệnh truyền nhiễm; phần mềm tiêm chủng mở rộng. Phối hợp với các phòng chức năng của Sở Y tế, bệnh viện đa khoa huyện, thành phố triển khai phần mềm khám chữa bệnh, phần mềm giám định KCB BHYT, phần mềm hồ sơ sức khỏe cá nhân tại trạm y tế xã, phường, thị trấn. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong triển khai ứng dụng, thu thập thông tin cá nhân, cập nhật đầy đủ Hồ sơ sức khỏe cá nhân; sau thời gian thí điểm tại huyện Hưng Hà, triển khai nhân rộng ra các huyện, thành phố.

- Chủ động xây dựng kế hoạch ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin của đơn vị mình phù hợp với kế hoạch của ngành;

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

5.1. Kinh phí từ Ngân sách tỉnh cấp:

5.1.1. Năm 2017:

Đầu tư hệ thống máy chủ cho Sở Y tế và 21 cây khám bệnh thông minh cho các bệnh viện: 2.300 triệu đồng.

5.1.2. Năm 2018: Tại Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2018, trong đó cấp:

- Ứng dụng thông tin trong ngành y tế: 600 triệu đồng.

- Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho đồng bộ hóa dữ liệu ngành y tế, phần mềm Hồ sơ sức khỏe cá nhân, phần mềm khám chữa bệnh tại trạm y tế xã: 1.900 triệu đồng.

- Lắp đặt hệ thống giao ban trực tuyến: 5.500 triệu đồng.

5.2. Kinh phí từ nguồn thu dịch vụ của các đơn vị:

- Đã được kết cấu trong cơ cấu giá dịch vụ y tế;

- Các đơn vị nghiên cứu việc mua dịch vụ giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, đầu tư cơ sở hạ tầng mạng, đào tạo nguồn nhân lực, thăm quan học tập kinh nghiệm...

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
THẺ KHÁM CHỮA BỆNH THÔNG MINH CHO CÁC ĐƠN VỊ
(Kèm theo Quyết định số 268/QĐ-SYT ngày 02/3/2017)

I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

1. Phân hạ tầng

- Cây quạt thẻ: Sở Y tế đã cung cấp 21 cây cho đơn vị, Bệnh viện Nhi và Bệnh viện đa khoa Vũ Thư đã đầu tư 03 cây quạt thẻ từ nguồn của đơn vị.

- Máy tính, máy in, thiết bị làm thẻ: Đơn vị tự trang bị, số lượng cụ thể sẽ do đơn vị cung cấp giải pháp phần mềm quản lý bệnh viện yêu cầu.

2. Nhân lực

2.1. Giai đoạn triển khai: Công ty TP Onlink và tập đoàn VIETSENS sẽ hỗ trợ đào tạo và chuyển giao triển khai ứng dụng thẻ Smart card

2.2. Giai đoạn sau triển khai: Bệnh viện bố trí nhân lực tiếp nhận, số lượng cán bộ tùy thuộc vào quy mô của từng bệnh viện (02-04 người)

3. Phần mềm

3.1. Đối với các đơn vị sử dụng phần mềm Bệnh viện Thông minh HIS: Tiến hành triển khai ngay từ tháng 3 năm 2018 (BVĐK tỉnh, BVĐK Thành phố, Bệnh viện Tiền Hải, BVĐK Nam Tiền Hải)

3.2. Đối với các bệnh viện còn lại:

Yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ rà soát việc chiết xuất, kết nối dữ liệu để thống nhất nội dung triển khai.

Ưu tiên cho các phần mềm chiết xuất dữ liệu phục vụ kho dữ liệu của ngành, đồng bộ dữ liệu, đẩy dữ liệu lên cổng giám định KCB BHYT, kết nối xét nghiệm 02 chiều.

II. THỜI GIAN TRIỂN KHAI

2.1. Triển khai, phát hành thẻ KCB thông minh

| Số TT | Tên đơn vị | Tháng | | | | | | | | | |
|-------|------------------------|---------------|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 1. | Bệnh viện đa khoa tỉnh | X | X | | | | | | | | |
| 2. | Bệnh viện Mắt | X | X | | | | | | | | |
| 3. | Bệnh viện Nhi | Đã triển khai | | | | | | | | | |
| 4. | Bệnh viện Tâm thần | Đã triển khai | | | | | | | | | |

| Số TT | Tên đơn vị | Tháng | | | | | | | | | |
|-------|-------------------|---------------|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 5. | Bệnh viện Phổi | | X | X | | | | | | | |
| 6. | BVĐK Thành phố | X | X | | | | | | | | |
| 7. | BVĐK Vũ Thư | Đã triển khai | | | | | | | | | |
| 8. | BVĐK Tiền Hải | X | X | | | | | | | | |
| 9. | BVĐK Nam Tiền Hải | X | X | | | | | | | | |

2.2. Rà soát lại phần mềm QLBV, thống nhất phần mềm và triển khai thử:

| Số TT | Tên đơn vị | Tháng | | | | | | | | | |
|-------|---------------------------------|-------|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 10. | Bệnh viện Phụ sản | | X | X | X | | | | | | |
| 11. | Bệnh viện PHCN | | X | X | X | | | | | | |
| 12. | Bệnh viện Y học cổ truyền | | X | X | X | | | | | | |
| 13. | Bệnh viện phong da liễu Văn Môn | | X | X | X | | | | | | |
| 14. | BVĐK Kiến Xương | | X | X | X | | | | | | |
| 15. | BVĐK Đông Hưng | | X | X | X | | | | | | |
| 16. | BVĐK Thái Thụy | | X | X | X | | | | | | |
| 17. | BVĐK Thái Ninh | | X | X | X | | | | | | |
| 18. | BVĐK Quỳnh Phụ | | X | X | X | | | | | | |
| 19. | BVĐK Phụ Dực | | X | X | X | | | | | | |
| 20. | BVĐK Hưng Nhân | | X | X | X | | | | | | |

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
THÍ ĐIỂM HỒ SƠ SỨC KHOẺ CÁ NHÂN**
(Kèm theo Quyết định số 268/QĐ-SYT ngày 02/3/2017)

I. ĐƠN VỊ THÍ ĐIỂM

- Trung tâm Y tế huyện Hưng Hà
- 35 trạm y tế xã, thị trấn huyện Hưng Hà

II. ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Tập đoàn Viễn thông Quân đội chi nhánh Thái Bình

III. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

1. Phần hạ tầng

- Máy tính, máy in, Internet: 100% các trạm y tế xã đã được đầu tư máy tính, máy in và kết nối Internet.

2. Nhân lực:

- Đào tạo cán bộ trạm y tế xã sử dụng phần mềm khám bệnh tại trạm y tế xã và phần mềm hồ sơ sức khỏe cá nhân;
- Nhân viên Y tế thôn, tổ dân phố: Hướng dẫn sử dụng mẫu Hồ sơ cá nhân, thu thập thông tin hộ gia đình.

3. Phần mềm: Tập đoàn Viễn thông Quân đội chi nhánh Thái Bình

IV. THỜI GIAN TRIỂN KHAI

4.1. Tổ chức Hội nghị tại huyện: Dự kiến ngày 21/3/2018

4.2. Tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ trạm Y tế xã: Tháng 3 năm 2018 (Bắt đầu từ ngày 12/3/2018).

4.3. Triển khai cài đặt phần mềm, hướng dẫn thực hành tại trạm: Tháng 3,4,5 năm 2018.

4.4. Kết nối, chiết xuất dữ liệu: Tháng 4, 5 năm 2018.

4.5. Đánh giá, nghiệm thu:

- Đánh giá sơ bộ: Tháng 5 năm 2018.
- Đánh giá, nghiệm thu: Tháng 12 năm 2018.

V. KINH PHÍ

5.1. Sở Y tế hỗ trợ một phần kinh phí triển khai thí điểm

5.2. Chi phí phần mềm, triển khai thí điểm: Viettel.

5.3. Hết thời gian thí điểm năm 2018: Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp kinh phí hàng năm.

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
KHO DỮ LIỆU DATAWARE – HOUSE TẠI SỞ Y TẾ**
(Kèm theo Quyết định số 268/QĐ-SYT ngày 02/3/2017)

I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

1. Phần hạ tầng

- Tại cơ sở khám chữa bệnh:
 - + 100% các bệnh viện có máy chủ, ứng dụng phần mềm quản lý bệnh viện;
 - + 100% các bệnh viện đã có kết nối đường truyền Internet tốc độ cao.
- Tại Sở Y tế Thái Bình:
 - + Đầu tư và lắp đặt 02 máy chủ
 - + Kết nối đường truyền Internet tốc độ cao để phục vụ riêng cho kết nối kho dữ liệu Dataware - House của ngành Y tế.

2. Nhân lực: Có 01 cán bộ chuyên trách có trình độ đại học về CNTT.

3. Phần mềm:

- Đã cài đặt phần mềm;
- Đã triển khai thí điểm việc chiết xuất và đẩy dữ liệu của các đơn vị.

II. THỜI GIAN TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG TOÀN NGÀNH

2.1. Những đơn vị đã sử dụng phần mềm Giải pháp bệnh viện thông minh sẽ đồng bộ dữ liệu ngày trong tháng 3 năm 2018.

2.2. Các bệnh viện còn lại phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ hiện tại nghiên cứu việc chiết xuất dữ liệu đầu ra. Trong trường hợp không chiết xuất được dữ liệu, hoặc dữ liệu đầu ra ảnh hưởng đến việc đồng bộ dữ liệu toàn ngành, đề nghị các đơn vị thay thế phần mềm giải pháp Bệnh viện Thông minh – HIS. Tất cả các đơn vị hoàn thành trước 30/6/2018.